

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-PT

Ngày 14 - 3 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nhiên

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1966. Cùng địa chỉ: Ấp KT, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1966. Cùng địa chỉ: Ấp KT, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Đồng bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1974 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1970. Cùng địa chỉ: Ấp ĐTh, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Ông Th có mặt, bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Đồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đồng nguyên đơn ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Trước đây vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1 có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của vợ chồng ông bà mua thiếu vật tư nông nghiệp rất nhiều lần. Đến ngày 25/3/2016, thì hai bên có tổng kết nợ lại với nhau. Khi tổng kết nợ, thì vợ chồng ông Th, bà H1 còn thiếu cửa hàng vật tư nông nghiệp của vợ chồng ông bà số tiền 365.679.000 đồng và ký vào biên nhận nợ. Khi tổng kết nợ và nội dung biên nhận nợ, thì vợ chồng ông Th và bà H1 hẹn đến tháng 03/2017 sẽ trả đủ và lãi suất tính 2%/tháng.

Khi đến thời hạn trả nợ là tháng 03/2017, vợ chồng ông bà có đến đòi vợ chồng ông Th, bà H1 rất nhiều lần, nhưng phía vợ chồng ông Th, bà H1 không trả mà chỉ có khất nợ. Vì thế ông bà có làm đơn thưa ra Ban lãnh đạo ấp ĐTh, xã BG để yêu cầu giải quyết, nhưng tại buổi hòa giải của ấp, ông Th thừa nhận nợ, nhưng không chịu trả cho vợ chồng ông bà.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu vợ chồng ông Th, bà H1 phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 365.679.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/3/2016 đến ngày 25/10/2017 là 19 tháng, với lãi suất yêu cầu là 1,6%/tháng, với số tiền lãi là 111.166.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 476.845.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Ông bà thừa nhận trước đây vợ chồng ông Th, bà H1 có mua thiếu vật tư nông nghiệp của vợ chồng ông S, bà H nhiều lần. Đến ngày 25/3/2016 thì vợ chồng ông Th, bà H1 có ký nhận nợ với ông S, bà H với số tiền gốc và lãi là 356.679.000 đồng, lãi suất 02%/tháng. Trong đó, tiền gốc là 256.523.000 đồng và tiền lãi là 109.679.000 đồng. Khi ký biên nhận nợ, thì vợ chồng ông Th, bà H1 cũng cam kết đến tháng 03/2017 thì sẽ trả hết cho ông Sơn, bà Hoa số tiền 356.679.000 đồng và trả lãi 02%/tháng.

Hiện nay, do hoàn cảnh gia đình đang gặp nhiều khó khăn. Do đó, tại phiên tòa ông Th, bà H1 chỉ đồng ý trả cho ông S, bà H số tiền nợ gốc là 256.523.000 đồng, còn tiền lãi thì xin ông S, bà H tính đúng và trả dần theo vụ lúa mỗi vụ trả 40.000.0000 đồng, trả đến khi nào hết nợ thì thôi. Ngoài ra, oobng bà không trình bày gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H1 phải trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu.

Buộc ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H1 phải liên đới trả cho ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Kim H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu cả gốc và lãi là 476.845.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H1 chỉ đồng ý trả cho ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 256.523.000 đồng và xin được trả nợ làm nhiều lần.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/12/2017, đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Cho vợ chồng ông bà trả nợ cho ông S, bà H theo đúng lãi suất quy định của pháp luật và cho ông bà trả dần theo mùa vụ lúa. Vì hiện nay gia đình ông bà lâm vào cảnh khó khăn do bà Nguyễn Thị H1 bị bệnh nặng lo tiền thuốc, còn tiền nợ bên ngoài rất nhiều và tiền vay vốn tại Ngân hàng QD- Chi nhánh RG.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngược lại, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn S không đồng ý nội dung kháng cáo của đồng bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Tranh chấp giữa vợ chồng ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Kim H với vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H1 bắt nguồn từ việc vợ chồng ông Th, bà H1 mua vật tư nông nghiệp và còn thiếu lại vợ chồng ông S, bà H với số tiền nợ gốc là 365.679.000 đồng.

Ngày 25/3/2016, hai bên có làm giấy biên nhận nợ hẹn đến tháng 03/2017 sẽ trả đủ cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp TS, với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng tính từ ngày 25/3/2016.

Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ, vợ chồng ông S, bà H có đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng ông Th, bà H1 không trả, nên vợ chồng bà H có nhờ Ban lãnh đạo ấp ĐTh, xã BG, huyện HD, tỉnh Kiên Giang giải quyết. Tại Biên bản hòa giải ngày 30/7/2017 của Ban lãnh đạo ấp ĐTh thể hiện ông Nguyễn Văn Th không có ý kiến gì về số tiền gốc 365.679.000 đồng, mà chỉ xin giảm bớt tiền lãi và hứa một vụ lúa trả 40.000.000 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, vợ chồng ông Th, bà H1 cho rằng chỉ nợ vợ chồng ông S, bà H với số tiền gốc 256.523.000 đồng, nhưng ông bà không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho trình bày của mình là có cơ sở. Nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên nhận nợ ngày 25/3/2016 và Biên bản hòa giải ngày 30/7/2017 của Ban lãnh đạo ấp ĐTh để tuyên buộc vợ chồng ông Th, bà H1 phải trả cho vợ chồng ông S, bà H số tiền nợ gốc và lãi là 476.845.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, vợ chồng ông S, bà H tự nguyện giảm cho vợ chồng ông Th, bà H1 số tiền 26.845.000 đồng, nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với nội dung kháng cáo xin trả dần theo mùa vụ lúa cho đến khi dứt nợ, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, vợ chồng ông S, bà H không đồng ý với yêu cầu này, mà yêu cầu trả lại một lần. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của vợ chồng ông Th, bà H1. Tuy nhiên, nếu vợ chồng ông Th, bà H1 thật sự có khó khăn về kinh tế thì có thể làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 103/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền trả cho vợ chồng ông S, bà H là 450.000.000 đồng = $[20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (450.000.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})] = 22.000.000 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H được Tòa chấp nhận, nên không phải nộp án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông S, bà H.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1 không phải nộp, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 430; khoản 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 103/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh Kiên Giang.

- Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H1 phải trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H1 phải liên đới trả cho vợ chồng ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Kim H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu cả gốc và lãi là 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H giảm bớt cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H số tiền 26.845.000đ (*Hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

2. Bác yêu cầu của vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H1 chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 256.523.000 đồng và xin được trả nợ làm nhiều lần.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 22.000.000đ (*Hai mươi hai triệu đồng*).

Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*), theo biên lai thu tiền số 0000461 ngày 06/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000616 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện HĐ;
- THA dân sự huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Đình Thi